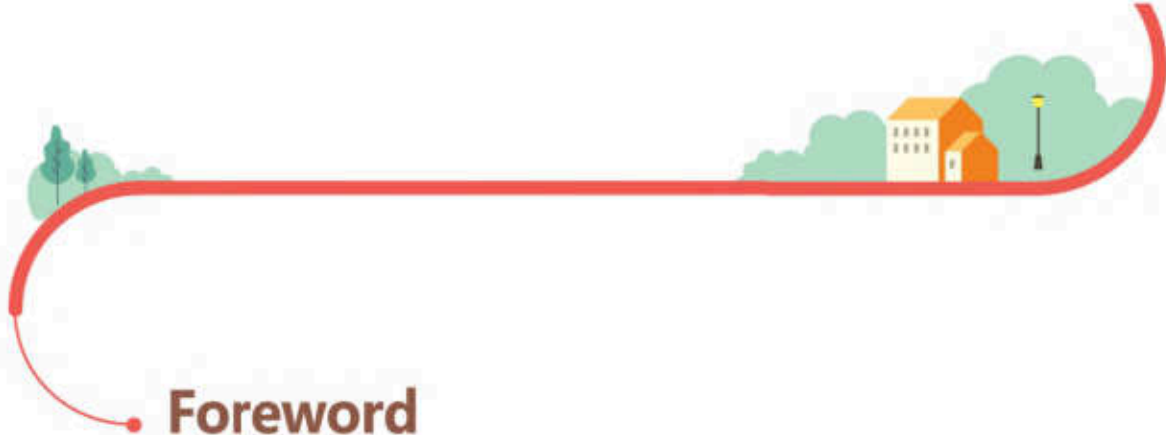


Lee Jang-doi

Vương Nhật Vy dịch





Foreword

“Ồ, đoạn này hay chưa này, mẹ nghe nhé!” “Haha, truyện này buồn cười thế!” Cô con gái nhỏ của tôi cứ luôn miệng ríu rít khi lật giở từng trang trong một cuốn **Reader’s Bank**. Tối bữa cơm chiều, con bé lại kể với bố về bạn Jimmy chơi kèn dờ đến nỗi mẹ phải cho bạn ấy một xu để dừng thổi nữa, về những loài vật biết soi gương, về nguồn gốc của bánh pizza... Những thông tin thú vị đó lại mở ra những chuyện trò khác trong gia đình. Bài đọc tiếng Anh lúc này không chỉ là cách giúp con học ngoại ngữ một cách tự nhiên nhất mà còn mang tới những “cái cớ” hết sức dễ thương để mẹ con tôi tâm sự, để tôi dễ dàng bước vào thế giới của con. Đó là những gì tôi đã cảm nhận được khi cùng con trải nghiệm bộ sách **Reader’s Bank**.

Hẳn là chúng ta đều từng nghe về những lợi ích to lớn của việc đọc và nghe sách truyện tiếng Anh khi học ngoại ngữ. Các câu chuyện thú vị và kiến thức bổ ích không chỉ mang tới niềm vui và sự hào hứng trong suốt hành trình học tập, mà còn giúp các con phát triển tư duy, trí tưởng tượng, tư duy phân biện, biết dùng từ và cấu trúc câu thật tự nhiên theo ngữ cảnh. Các hoạt động đóng vai, đọc diễn cảm, hay thảo luận về nội dung bài đọc thường đem lại sự tự tin và phát triển khả năng nói trôi chảy. Mặc dù nhận thức được những ưu điểm đó, nhưng không phải lúc nào chúng ta cũng dễ dàng tìm được những nguồn tài liệu đọc hiểu vừa phù hợp với năng lực tiếng Anh, vừa đi kèm các hoạt động phát triển kỹ năng ngôn ngữ và tư duy.

Reader’s Bank đã kết nối thành công việc đọc, nghe tiếng Anh với các hoạt động khai thác bài đọc, từ đó giúp các con phát triển năng lực ngôn ngữ một cách hiệu quả và đầy hứng khởi. Với các bài đọc ngắn có độ khó tương ứng với từng trình độ, chủ đề phong phú và hấp dẫn, những câu hỏi và bài tập linh hoạt, đa dạng, bộ sách **Reader’s Bank** hứa hẹn mang tới cho các em những giờ đọc sách thật vui và bổ ích.

Tiến sĩ Trần Hương Quỳnh

*Giảng viên, trưởng bộ môn Ngôn ngữ học Anh,
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*



Plant the Seeds of Love for English!

Reader's Bank ra đời với mục tiêu cơ bản là giúp học sinh nâng cao kỹ năng đọc hiểu thông qua những đoạn văn thú vị và bổ ích. Tuy nhiên, đó không phải là mục tiêu duy nhất mà những người biên soạn bộ sách này hướng tới. Chúng tôi kỳ vọng nó có thể mang lại giá trị lớn lao hơn, đó là gieo vào lòng độc giả nhỏ tuổi hạt giống tình yêu dành cho môn tiếng Anh.

Vì lý do đó, Phòng Nghiên cứu Ngôn ngữ Anh của chúng tôi đã bỏ rất nhiều công sức để tìm kiếm những đoạn văn thú vị, súc tích từ các nguồn tài liệu đa dạng nhằm khơi dậy ở trẻ sự tò mò, háo hức đối với môn học này. Bên cạnh đó, bộ giáo trình cũng được thiết kế theo một trình tự thích hợp để học sinh có thể dần cải thiện năng lực học tập trên lớp, giúp các em nuôi dưỡng sự tự tin, lòng tự hào vào chính bản thân mình.

Chúng tôi thành tâm mong muốn những nỗ lực này thực sự có thể gieo vào lòng độc giả hạt giống tình yêu dành cho tiếng Anh. Theo thời gian, chúng sẽ dần đơm hoa kết trái. Biết đâu sau này, một độc giả nào đó sẽ nói với chúng tôi rằng: “lời đã yêu tiếng Anh nhờ bộ sách **Reader's Bank**”. Đó hẳn sẽ là niềm vui vô hạn đối với những người đã tham gia phát triển bộ sách.

Từ khi **Reader's Bank** ra đời và được dạy thí điểm tại lớp học, sau đó trải qua nhiều lần sửa đổi, cập nhật, bộ sách đã nhận được sự đóng góp nhiệt tình của rất nhiều gương mặt ưu tú. Tôi muốn gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Ban Phát triển Nội dung thuộc Phòng Nghiên cứu Ngôn ngữ Anh – những người đã rất nỗ lực để mang tới những bài đọc có nội dung phong phú và giàu cảm xúc; Quinn – tác giả người bản ngữ đã dành hàng giờ cùng tôi chụm đầu chỉnh sửa bản in cho thật hoàn hảo; Richard Pak – giáo sư trường Đại học nữ sinh Sukmyung đã theo sát quá trình hiệu đính và biên tập; Chae Yeong In – tổng biên tập, một Hàn kiều đang sinh sống tại Mỹ. Tôi cũng muốn bày tỏ lòng biết ơn chân thành nhất đến giáo sư Kim In Soo – người thầy luôn nhiệt tình giúp đỡ tôi trong suốt chặng đường xây dựng và phát triển bộ sách này từ những ngày đầu tiên.

Tác giả

Lee Jang Dol



About Reader's Bank

Suốt bao năm qua, trên 14 triệu học sinh Hàn Quốc đã lựa chọn **Reader's Bank** để mài giũa năng lực đọc hiểu tiếng Anh của mình. Được biết đến với cái tên đầy tự hào - “kinh thánh về đọc hiểu tiếng Anh” - **Reader's Bank** luôn xứng đáng với sự tin yêu của độc giả khi không ngừng cải thiện và phát triển các nội dung chất lượng cao nhằm mang tới cho người đọc những trải nghiệm học tập vui vẻ và hiệu quả nhất.

1

Hệ thống đọc hiểu 9 cấp độ phù hợp với năng lực

Reader's Bank được biên soạn theo các cấp độ từ thấp đến cao để phục vụ đối tượng là các học sinh từ bậc tiểu học đến trung học phổ thông. Hãy chọn cuốn sách phù hợp với trình độ trong các level từ 1 đến 9 với độ khó được xác định theo thang điểm Lexile, sau đó từng bước nâng cao dần qua các cấp độ. Năng lực đọc hiểu của các độc giả “nhí” sẽ tiến bộ vượt bậc đến mức chính các em cũng phải thấy ngạc nhiên.

2

Những bài đọc chất lượng cao với nội dung thú vị

Reader's Bank được xây dựng và phát triển qua một thời gian dài và luôn tuyển chọn những bài đọc có nội dung thú vị, hữu ích. Những văn bản đọc hiểu này đều kèm các câu hỏi đa dạng nhằm hỗ trợ đắc lực cho học sinh trong việc tự học, đồng thời cung cấp những kiến thức liên quan đến chương trình học trên lớp. Các bài đọc được phân bố cân bằng và hợp lý nhằm giúp người học đạt được mục tiêu ngắn hạn (nâng cao thành tích học tập trên lớp) và dài hạn (thi chuyển cấp, có năng lực đọc hiểu tiếng Anh tốt).

3

Bài tập đa dạng giúp cải thiện kỹ năng viết, nâng cao vốn từ và rèn luyện ngữ pháp

Người học có thể tự trau dồi vốn từ và ngữ pháp xuất hiện trong bài đọc thông qua phần Review Test. Ngoài ra, chỉ cần quét mã QR bên cạnh bài đọc, người học có thể dễ dàng luyện kỹ năng nghe thông qua file MP3 với giọng đọc của người bản ngữ.

How to Study

Những bài đọc tiếng Anh thú vị

- Các bài đọc tiếng Anh bổ ích giúp làm giàu vốn tri thức
- Bài đọc có chủ đề phong phú được cả giáo viên và học sinh quan tâm
- Được đánh giá bởi đội ngũ chuyên gia người bản ngữ và giáo viên giàu kinh nghiệm
- Mỗi bài đọc đều có biểu tượng ngôi sao để xác định độ khó cùng thông tin về số từ

Độ khó: ★★★ khó | ★★☆ vừa | ☆☆☆ dễ

Số từ: lượng từ xuất hiện trong bài đọc

• Mã QR cho file MP3

Quét mã QR ở đầu bài đọc để nghe file MP3 với giọng đọc của người bản ngữ.

• Grammar Link

- Nhấn mạnh vào cấu trúc ngữ pháp chính xuất hiện trong bài đọc
- Cung cấp những kiến thức ngữ pháp căn bản và bám sát nội dung học trên lớp

01

Art

QR CODE



An unusual art contest took place in the United States in 2018. The artists taking part were robots. 39 international teams of humans and their robots participated and made over 100 paintings. The competition's rules were simple. All the paintings had to be made with real brushes and paint. The robot did the actual painting, but it was the human who came up with the idea and directed the robot.

Some robots painted creative landscapes. Others copied great artworks from the past. For example, the robot that took first place copied a painting by the famous French artist Cézanne. Amazingly, the robot identified and reproduced the painting's pattern on its own.

Some artists object to using robots for art on the grounds that it cannot reflect human creativity. However, artists who use robots disagree. Their reasoning is simple: robot art is just a new genre of art. Robots are tools for creative expression in the same way that cameras are.



Động từ: **that/who** + động từ cần nhấn mạnh + **that/who** Chính... việc người đã...

It was **that/who** called me this morning.

Đúng! Đó là người đã gọi tôi vào sáng nay.

It was **the person** **that/who** helped the old lady to get on the bus.

Đúng! Người phụ nữ ấy là người đã giúp bà cụ lên xe buýt.

Chỉ cần thay thế: **that/who** bằng **who** hay **that**.

018 | ROAD TO SUCCESS

English Only



Tăng độ khó với những bài sử dụng hoàn toàn tiếng Anh

Review Test



Kiểm tra từ vựng và ngữ pháp cuối mỗi UNIT

Word Hunter



Trò chơi ô chữ thú vị

Laugh & Think



Tranh vui bằng tiếng Anh

Câu hỏi đa dạng nhằm nêu bật trọng tâm

1 Tiêu đề nào sau đây phù hợp nhất với nội dung bài đọc?

- ❑ The Popularity of Robot Art
- ❑ Robot Painting: A New Form of Art
- ❑ The Influence of Art on Technology
- ❑ How Robots Reproduce French Art
- ❑ Modern Versions of Cézanne's Works

2 Theo nội dung bài đọc, câu nào dưới đây giải thích không đúng về *An unusual art contest*?

- ❑ Cuộc thi được tổ chức ở Mỹ vào năm 2018.
- ❑ Có 19 đội tham gia, mỗi đội đều gồm cả người và rô-bốt.
- ❑ Các họa sĩ rô-bốt đã vẽ tranh bằng cơ và sơn thật.
- ❑ Toàn bộ quá trình thực hiện đều do rô-bốt đảm nhiệm.
- ❑ Cũng có những bức tranh được sao chép từ tác phẩm của các họa sĩ nổi tiếng.

3 Chọn từ đúng để hoàn thiện đoạn hội thoại sau.

Joan: I'm (for / against) the use of robots for art. They cannot produce creative works.
Peter: I disagree. Just like cameras, robots are simply (tools / patterns) for creative works.



4 Gạch chân thông tin cần được nhấn mạnh trong các câu sau.

- (1) It was his advice that we all decided to follow.
- (2) It is my cousin who is speaking in front of the people.

Did You Know?

Cuộc thi vẽ tranh cho
rô-bốt (The Robot Art
Competition)

Năm 2018, giải thưởng vẽ tranh trong nước lần đầu tiên (thứ 10-2018) đã thuộc về Coudanet, một rô-bốt vẽ tranh có cơ quan hỗ trợ robot. Giải thưởng này là một phần của cuộc thi vẽ tranh do Coudanet tổ chức tại thành phố Paris. Trong vòng thi vẽ tranh, Coudanet đã tạo ra một tác phẩm nghệ thuật mới. Tác phẩm này là một bức tranh vẽ bằng sơn thật, được vẽ bởi một rô-bốt. Tác phẩm này đã được trưng bày tại phòng trưng bày nghệ thuật ở Paris.

Words

take part (in) tham gia (vào)
participate (in)
competition cuộc thi (n)
contest cuộc thi (n)
artwork tác phẩm nghệ thuật (n)
robot rô-bốt (n)
draw vẽ (v)
paint sơn (v)
copy sao chép (v)
reproduce sao chép (v)
tool công cụ (n)
pattern mẫu (n)
creative sáng tạo (a)
work công việc (n)
disagree không đồng ý (v)
follow theo (v)
decide quyết định (v)
in front of ở phía trước (adv)
the people mọi người (n)
my cousin anh/chị họ (n)
advice lời khuyên (n)
decided quyết định (v)
to follow theo (v)
to speak nói (v)
in front of ở phía trước (adv)
the people mọi người (n)

• Những câu hỏi đa dạng nhằm hỗ trợ học sinh hiểu sâu nội dung văn bản

• Câu hỏi tự luận sát với các dạng đề thi học thuật **Tự luận**

giúp học sinh làm quen với những dạng bài kèm sơ đồ và những câu hỏi yêu cầu nêu quan điểm.

• Câu hỏi về từ vựng **W**

được chọn lọc để làm rõ những từ/cụm từ quan trọng xuất hiện trong bài đọc

• Câu hỏi về ngữ pháp trọng tâm **G**

kiểm tra ngữ pháp đã học trong phần Grammar Link

• Did You Know?

Cung cấp kiến thức nền tảng thú vị, giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung bài đọc

• Words

Liệt kê các từ/cụm từ quan trọng trong bài đọc

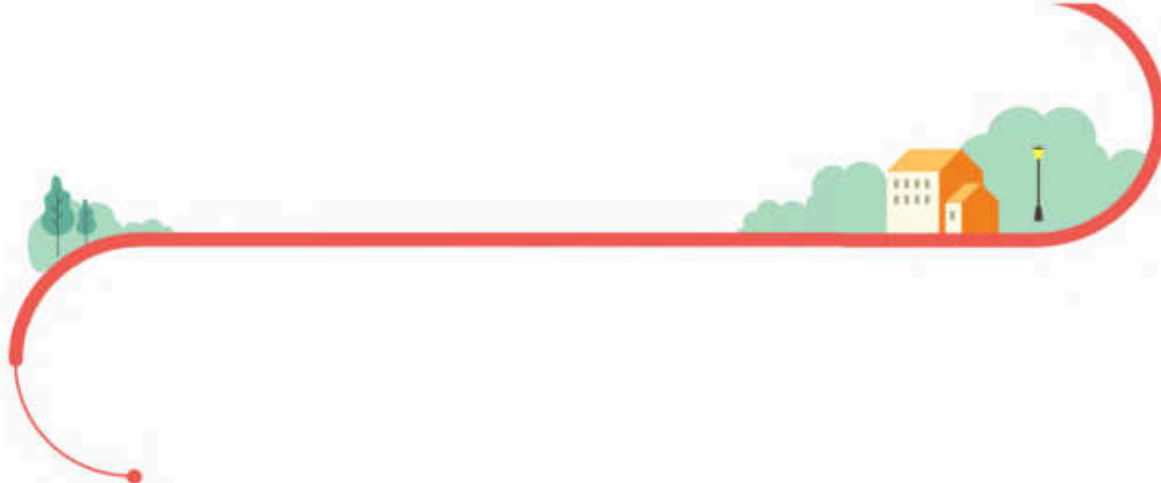
Đáp án và giải thích



Giải thích chi tiết, phân tích câu, phân tích cấu trúc

Lưu ý: Ký hiệu viết tắt các từ loại trong sách

Từ loại	Ký hiệu
danh từ (noun)	n
động từ (verb)	v
trạng từ (adverb)	adv
tính từ (adjective)	adj
đại từ (pronoun)	pron
giới từ (preposition)	prep
liên từ (conjunction)	conj
động từ khuyết thiếu (modal verb)	mv
từ hạn định (determiner)	det



Find Just Right Books with **Lexile**

Lexile là gì?

Lexile® Framework for Reading, hay Thang điểm Lexile cho Kỹ năng Đọc, được phát triển bởi công ty đo lường và công nghệ giáo dục Mỹ MetaMetrics®, là một công cụ được sử dụng để đo khả năng đọc hiểu tiếng Anh của người đọc và độ phức tạp của văn bản trên cùng một thang điểm. Ra đời từ năm 1989, đến nay thang điểm Lexile đã được sử dụng rộng rãi ở nhiều trường học tại Mỹ và trên thế giới như một thước đo hiệu quả giúp giáo viên và phụ huynh tìm được những cuốn sách có độ khó phù hợp với trình độ đọc hiểu của học sinh nhằm hỗ trợ tối đa các em trong việc lĩnh hội kiến thức cũng như từng bước nâng cao kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh.

Điểm Lexile nói gì với bạn?

Điểm Lexile được ký hiệu bằng chữ L đứng sau một con số (ví dụ, 600L = 600 Lexile). Thang điểm Lexile bao gồm các cấp độ từ BR300 tới hơn 2000L (trong đó BR, viết tắt của Beginning Reader, là chỉ số ở dưới mức 0L dành cho người mới bắt đầu đọc). Có hai loại điểm Lexile: điểm Lexile cho người đọc (khả năng đọc hiểu) và điểm Lexile cho văn bản (độ phức tạp của văn bản).

Bảng so sánh ở trang sau giúp bạn có một hình dung khái quát về điểm Lexile trong tương quan với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc cùng cho Việt Nam của Bộ GD&ĐT Việt Nam (KNLNNVN), khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung châu Âu (CEFR) và một số bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh quốc tế.



Bộ Giáo dục & Đào tạo Việt Nam		Trình độ CEFR	Trình độ Cambridge English ¹	IELTS	Lexile
Chuẩn đầu ra môn Tiếng Anh ²	Bậc KNLNNVN ³				
Tốt nghiệp tiểu học	Bậc 1	A1	A1 Movers A2 Key for Schools 100-119		0L – 620L
Tốt nghiệp THCS	Bậc 2	A2	A2 Flyers A2 Key for Schools 120-139 B1 Preliminary for Schools 120-139		180L – 910L
Tốt nghiệp THPT	Bậc 3	B1	A2 Key for Schools 140-150 B1 Preliminary for Schools 140-159 B2 First for Schools 140-159	4.0 – 5.0	705L – 1210L
Tốt nghiệp CĐ chuyên ngữ	Bậc 4	B2	B1 Preliminary 160-170 B2 First 160-179 C1 Advanced 160-179	5.5 – 6.5	1000L – 1370L
Tốt nghiệp ĐH chuyên ngữ	Bậc 5	C1	B2 First 200-210 C1 Advanced 180-199 C2 Proficiency 180-199	7.0 – 8.0	1290L – 1400L
	Bậc 6	C2	C1 Advanced 200-210 C2 Proficiency 200-230	8.5 – 9.0	1405L – 1595L

¹ Tên các chứng chỉ tiếng Anh Cambridge và kì thi tương ứng hiện đã được Hội khảo thí ĐH Cambridge (Anh) thay đổi so với tên trước đây (như KET, PET, FCE, CAE và CPE) để thể hiện mối quan hệ với Khung CEFR. Lưu ý: các chứng chỉ có cụm từ "for Schools" có bài thi được xây dựng với nội dung dành cho người học ở lứa tuổi học sinh.

² Bộ GD&ĐT Việt Nam (2018). Chương trình Giáo dục Phổ thông – Chương trình môn tiếng Anh (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

³ Bộ GD&ĐT Việt Nam (2014). Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

Như ta có thể thấy, điểm Lexile của người học ở cùng một trình độ tiếng Anh có thể cách biệt nhau rất xa, thậm chí lên tới hơn 700 điểm. Trong khi đó, theo các chuyên gia, cuốn sách được coi là “lý tưởng” nhất với người đọc khi điểm Lexile của nó nằm trong khoảng thấp hơn 100 và cao hơn 50 so với điểm Lexile của người đó. Ví dụ, nếu điểm Lexile của bạn là 650L thì cuốn sách phù hợp với bạn sẽ nằm trong khoảng từ 550L đến 700L. Khi được tiếp cận với văn bản phù hợp với khả năng, người đọc sẽ lĩnh hội được đầy đủ nhất thông tin và kiến thức, tận hưởng cảm giác tự tin vào bản thân, vượt qua những thử thách vừa tầm và từng bước mài giũa năng lực đọc hiểu tiếng Anh của mình.

Xác định điểm Lexile bằng cách nào?

Tại Việt Nam, học sinh có thể biết được điểm Lexile của mình nếu trường các em học có tiến hành đánh giá năng lực đọc hiểu của học sinh thông qua bài thi xác định điểm Lexile; hoặc một số kỳ thi tiếng Anh quốc tế (ví dụ như TOEFL) có quy đổi kết quả bài thi đọc sang điểm Lexile, thông tin này có được ghi trên phiếu báo điểm.

Tuy nhiên, trong trường hợp các em chưa có điểm Lexile, phụ huynh có thể tự xác định bằng cách căn cứ vào trình độ tiếng Anh hiện tại của trẻ, chọn một số cuốn sách mà các em có thể đọc và hiểu dễ dàng dù vẫn gặp một vài từ mới. Sau đó, hãy xác định điểm Lexile của những cuốn sách này bằng cách nhập văn bản vào tùy chọn Lexile Analyzer trên trang web Lexile.com. Thông tin thu được sẽ giúp phụ huynh và học sinh có thêm căn cứ để lựa chọn sách vở và các nguồn tài liệu phù hợp cũng như đặt ra những mục tiêu vừa tầm để từng bước nâng cao năng lực đọc hiểu tiếng Anh của mình.

Contents

UNIT 01

- 01 | Cuộc thi vẽ của các họa sĩ rô-bốt
- 02 | Khí hydro - nguồn năng lượng tương lai
- 03 | Shakespeare - nhà ảo thuật của ngôn từ

Review Test

Grammar Link

it is + thông tin cần nhấn mạnh + **that [who]**

cấu trúc "liên từ + phân tử" 16

try + V-ing 20

22

UNIT 02

- 04 | Cây cũng biết "nói"
- 05 | Nguồn gốc tên gọi của Iceland và Greenland
- 06 | Calo tốt, calo xấu

Review Test

Word Hunter / Laugh & Think

Grammar Link

tính từ + **as** + chủ ngữ + động từ 24

lược bỏ cụm "đại từ quan hệ làm chủ ngữ + **be**" 26

English Only 28

30

31

UNIT 03

- 07 | Sạch sẽ quá cũng gây ra vấn đề
- 08 | Bí mật của cú home-run
- 09 | Những thay đổi mà trường phái Ấn tượng mang lại

Review Test

Grammar Link

động từ mang nghĩa yêu cầu, đề nghị 34

the number of và **a number of** 36

Sử dụng **to** để tránh lặp lại động từ 38

40

UNIT 04

- 10 | Tập trung theo đuổi mục tiêu
- 11 | Hamburger đang "nuốt chửng" rừng mưa nhiệt đới
- 12 | Xương biết tuốt mọi điều về bạn

Review Test

Word Hunter / Laugh & Think

Grammar Link

only + **to**-động từ nguyên thể 42

[**all, some, half, most, the rest**, phân số, phân trăm] + **of** 44

English Only 46

48

49



Contents

UNIT 5

13	Mưu mẹo của Columbus	Grammar Link	
14	Vì sao ăn ít không giúp chúng ta giảm cân	trạng từ quan hệ when	52
15	Nhịn ăn ảnh hưởng như thế nào đến cơ thể	trợ động từ do nhấn mạnh hành động	54
		as long as + chủ ngữ + động từ	56
	Review Test		58

UNIT 6

16	Quả thần kỳ	Grammar Link	
17	Ô nhiễm ánh sáng – kẻ thù mới của hệ sinh thái	động từ cảm giác + tính từ	60
18	Hiệu ứng Werther	các ngoại động từ dễ bị nhầm là nội động từ	62
		English Only	64
	Review Test		66
	Word Hunter / Laugh & Think		67

UNIT 7

19	Cách tỏ tình đặc biệt của chim cánh cụt	Grammar Link	
20	Sự xâm lăng của thực phẩm biến đổi gen	remain / stay / keep + tính từ	70
21	Sống mãi nhờ thể thao kỹ thuật số	sự thống nhất giữa chủ ngữ và động từ trong cấu trúc "chủ ngữ + cụm bổ nghĩa + động từ"	72
		giới từ và liên từ like	74
	Review Test		76

UNIT 8

22	Vết tích còn lại của những vì sao trong vũ trụ	Grammar Link	
23	Ưu điểm của người chân ngắn	đại từ quan hệ whose chỉ sự sở hữu	78
24	Bí mật về hàng vạn vì sao trên bãi biển Maldives	danh từ đặc biệt đi kèm với giới từ	80
		English Only	82
	Review Test		84
	Word Hunter / Laugh & Think		85



UNIT 9

	Grammar Link	
25 Tình yêu và nhân tố tăng trưởng tế bào dùng đại từ that/those để thần kinh	tránh lặp lại danh từ	88
26 Sự hình thành của ty thể	giới từ + semantic subject + danh động từ	90
27 Bí ẩn đằng sau những "ngọn đồi ma"	appear (seem) to + động từ nguyên thể	92
Review Test		94

UNIT 10

	Grammar Link	
28 Làm sạch nước bằng đầm lầy nhân tạo	cấu trúc phân từ	96
29 Tìm bạn đời qua mùi hương	make sure (that) + chủ ngữ + động từ	98
30 Nhiều âm hồng – âm thanh hạnh phúc	English Only	100
Review Test		102
Word Hunter / Laugh & Think		103

UNIT 11

	Grammar Link	
31 Ý tưởng độc đáo đến từ chiếc khuôn bánh	cách dùng enough	106
32 Thuyết "cửa sổ vỡ"	thể bị động của cấu trúc "chủ ngữ + keep/leave/paint + tân ngữ + tính từ"	108
33 Bệnh sinh ra từ đâu	Câu hỏi không trực tiếp để hỏi ý kiến	110
Review Test		112

UNIT 12

	Grammar Link	
34 Bạn có muốn giống thiết bị cảm biến nhiệt?	not only A but also B	114
35 Chuyên gia big data – nghề triển vọng trong tương lai	đại từ bất định one	116
36 Mối liên hệ giữa nhiệt độ và cảm giác tin tưởng	English Only	118
Review Test		120
Word Hunter / Laugh & Think		121

“People with goals succeed
because they know where they are going.”

Người có mục tiêu thành công
vì họ biết mình đang đi đâu.

– Earl Nightingale





01 | Cuộc thi vẽ của các họa sĩ rô-bốt

02 | Khí hydro – nguồn năng lượng tương lai

03 | Shakespeare – nhà ảo thuật của ngôn từ



01

Art

★★☆ / 160 words



An unusual art contest took place in the United States in 2018. The artists taking part were robots. 19 international teams of humans and their robots participated and made over 100 paintings. The competition's rules were simple. All the paintings had to be made with real brushes and paint. The robot did the actual painting, but it was the human who came up with the idea and directed the robot.

Some robots painted creative landscapes. Others copied great artworks from the past. For example, the robot that took first place copied a painting by the famous French artist Cézanne. Amazingly, the robot identified and reproduced the painting's pattern on its own.

Some artists object to using robots for art on the grounds that it cannot reflect human creativity. However, artists who use robots disagree. Their reasoning is simple: robot art is just a new genre of art. Robots are tools for creative expression in the same way that cameras are.



Grammar Link

Đòng 6, 7 | It is + thông tin cần nhấn mạnh + that/who:

Chính... việc/người đã...

It was Paul that/who called me this morning.

Chính Paul là người đã gọi điện cho tôi sáng nay.

It was the woman that/who helped the old lady to get on the bus.

Chính người phụ nữ ấy là người đã giúp bà cụ lên xe buýt.

Khi đối tượng được nhấn mạnh là người, ta có thể dùng **who** thay cho **that**.

1 Tiêu đề nào sau đây phù hợp nhất với nội dung bài đọc?

- ① The Popularity of Robot Art
- ② Robot Painting: A New Form of Art
- ③ The Influence of Art on Technology
- ④ How Robots Reproduce French Art
- ⑤ Modern Versions of Cézanne's Works

2 Theo nội dung bài đọc, câu nào dưới đây giải thích không đúng về *An unusual art contest*?

- ① Cuộc thi được tổ chức ở Mỹ vào năm 2018.
- ② Có 19 đội tham gia, mỗi đội đều gồm cả người và rô-bốt.
- ③ Các họa sĩ rô-bốt đã vẽ tranh bằng cọ và sơn thật.
- ④ Toàn bộ quá trình thực hiện đều do rô-bốt đảm nhiệm.
- ⑤ Cũng có những bức tranh được sao chép từ tác phẩm của các họa sĩ nổi tiếng.

3 Chọn từ đúng để hoàn thiện đoạn hội thoại sau.

Jane I'm (for / against) the use of robots for art. They cannot produce creative works.

Peter I disagree. Just like cameras, robots are simply (tools / patterns) for creative works.

⑥

4 Gạch chân thông tin cần được nhấn mạnh trong các câu sau.

- (1) It was his advice that we all decided to follow.
- (2) It is my mom who is speaking in front of the people.

Did You Know?

Cuộc thi vẽ dành cho rô-bốt (The Robot Art Competition)

Năm 2018, giải thưởng cao nhất trong cuộc thi vẽ dành cho rô-bốt đã thuộc về CloudPainter, con rô-bốt do một kỹ sư người Mỹ phát triển. Bức tranh đoạt giải mô phỏng danh tác *Houses at the L'Estaque* của họa sĩ Paul Cézanne đã được thể hiện bằng trí thông minh nhân tạo và cánh tay rô-bốt. Rô-bốt CloudPainter đã liên tục tham dự cuộc thi này kể từ lần đầu nó được tổ chức vào năm 2016. CloudPainter đã giành giải Ba vào năm 2017 và sau đó là giải Nhất vào năm 2018.

Words

take part (in): tham gia (vào)
(= **participate (in)**)

competition: (n) cuộc thi
(= **contest**)

actual: (a) thực tế, có thật

come up with: nghĩ ra, nảy ra

direct: (v) chỉ đạo, ra lệnh
(n. **director:** người chỉ huy, đạo diễn)

landscape: (n) phong cảnh, tranh phong cảnh

copy: (v) sao chép, mô phỏng, bắt chước

artwork: (n) tác phẩm nghệ thuật

take first place: đạt giải nhất

identify: (v) xác định, nhận diện

reproduce: (v) tái hiện, làm lại

on one's own: tự mình

object to: phản đối việc gì

on the ground that: với lý do

reflect: (v) phản ánh, thể hiện

reasoning: (n) lý luận, lập luận

genre: (n) thể loại, loại hình

tool: (n) công cụ

expression: (n) sự biểu hiện

influence: (n) ảnh hưởng

version: (n) phiên bản, kiểu

for: (prep) tán thành, ủng hộ
(↔ **against:** phản đối)

02

Technology

☆☆☆ / 133 words



The world is running out of fossil fuels like coal and oil. Then, what will be the next main source of energy? Scientists say the best alternative is hydrogen.

Hydrogen is ideal for a couple of reasons. First, it is an infinite source of energy. We don't have to worry about using it up because it is made from water and is recycled back into water after use. Also, hydrogen generates water vapor when burned and does not emit smoke, so it is considered "clean energy" that can protect the environment.

However, we have not yet found a way to produce hydrogen at a low cost. Hydrogen can also explode, so we need to be careful when storing it. If these problems are solved, hydrogen might become the best energy source for us.



Grammar Link

Dòng 7, 12 | Cấu trúc "liên từ + phân từ"

While working, he often drank coffee.

→ = While he worked,

Trong lúc làm việc, anh ấy thường uống cà phê.

Hydrogen generates water vapor **when burned**.

→ = when it is burned

Khí hydro tạo ra hơi nước khi bị đốt cháy.

Việc kết hợp liên từ với phân từ nhằm mục đích nhấn mạnh ý nghĩa của liên từ.

Review Test

Answers p.129

1 Từ nào có thể thay thế cho từ được gạch chân trong câu sau?

We had no alternative but to eat pizza.

- ① tool ② choice ③ advice ④ information

2 Từ nào dưới đây bao hàm nghĩa của ba từ còn lại?

- ① hill ② river ③ tree ④ landscape

3 Cụm từ nào được giải nghĩa chưa chính xác?

- ① at a low cost: với chi phí thấp
② parts of speech: các từ loại
③ use up the energy: sử dụng hết năng lượng
④ take first place: tổ chức lần đầu tiên

[4-5] Tìm từ mang nghĩa sau.

4 tell someone what they should do

- ① direct ② identify ③ recycle ④ reproduce

5 a word that refers to a person, place or thing

- ① verb ② noun ③ adverb ④ adjective

[6-7] Sắp xếp các từ tiếng Anh để tạo thành câu theo nghĩa cho sẵn.

6 Anh ấy đã không nói gì trong lúc ăn.

He didn't _____.
(while / say / eating / anything)

7 Chính James là người đã chơi tennis với tôi hôm qua.

_____ played tennis with me yesterday.
(who / it / James / was)

8 Điền các từ thích hợp vào chỗ trống để tạo thành câu theo nghĩa cho sẵn.

Anh ấy đã thử đọc một quyển sách tẻ nhạt nhưng vẫn không thể ngủ được.
He _____ a boring book, but he couldn't fall asleep.



ANSWERS

01 Cuộc thi vẽ của các họa sĩ rô-bốt

p. 16-17

Đáp án

1 ② 2 ④ 3 against / tools 4 (1) his advice (2) my mom

Giải thích

- Bài đọc nói về cuộc thi vẽ đặc biệt với sự tham gia của các thí sinh rô-bốt, do đó ② là tiêu đề phù hợp nhất.
 - Sự phổ biến của hội họa sử dụng rô-bốt
 - Tranh vẽ của rô-bốt: Một loại hình nghệ thuật mới
 - Sự ảnh hưởng của hội họa đối với công nghệ
 - Rô-bốt đã tái hiện mỹ thuật Pháp như thế nào
 - Phiên bản hiện đại của các tác phẩm của Cézanne
- Dòng 5-7 đề cập đến việc rô-bốt vẽ tranh nhưng con người mới nghĩ ra ý tưởng và chỉ đạo chúng. Vì vậy, ý ④ không đúng với nội dung bài đọc.
 - Tham khảo dòng 1-2
 - Tham khảo dòng 2-4
 - Tham khảo dòng 4-5
 - Tham khảo dòng 8-9
- Jame nói rằng rô-bốt không thể tạo ra những tác phẩm mang tính sáng tạo. Vậy, bạn ấy là người phản đối (against) việc sử dụng rô-bốt trong nghệ thuật. Ngược lại, Peter tán thành việc này. Qua dòng 16-17, ta biết được từ cần điền trong câu lập luận của Peter là "công cụ" (tools).
Jame: Tôi phản đối việc sử dụng rô-bốt trong nghệ thuật. Chúng không thể tạo ra những tác phẩm mang tính sáng tạo.
Peter: Tôi không đồng ý. Cũng giống như máy ảnh, rô-bốt chỉ đơn giản là công cụ để tạo ra các tác phẩm mang tính sáng tạo.
- Trong cấu trúc "It is + thông tin cần nhấn mạnh + that/who...", phần được nhấn mạnh đứng ở giữa It is/was và that/who.
 - Lời khuyên của anh ấy chính là điều mà chúng tôi đều quyết định làm theo.
 - Mẹ tôi chính là người đang nói trước mọi người.

Dịch nghĩa

Năm 2008, một cuộc thi vẽ tranh khác thường đã diễn ra tại Mỹ. Họa sĩ tham gia là những con rô-bốt. Mười chín đội thi quốc tế gồm cả người và rô-bốt đã tham gia và vẽ hơn 100 bức tranh. Thể lệ cuộc thi rất đơn giản. Tất cả các bức tranh phải được vẽ bằng cọ thật và màu thật. Rô-bốt đã thực sự vẽ, nhưng người nghĩ ra ý tưởng và chỉ đạo chúng chính là con người. Một số rô-bốt vẽ tranh phong cảnh sáng tạo. Số khác lại sao chép các tuyệt tác sẵn có. Chẳng hạn, con rô-bốt đạt giải nhất đã sao chép một bức tranh của họa sĩ nổi tiếng người Pháp Cézanne. Thật kỳ diệu, rô-bốt này đã tự mình xác định và tái hiện họa tiết của bức tranh đó. Một số họa sĩ phản đối việc sử dụng rô-bốt trong nghệ thuật với lý do nó không thể hiện được sự sáng tạo của con người. Tuy nhiên, những họa sĩ sử dụng rô-bốt lại không nghĩ như vậy. Lập luận của họ rất đơn giản: hội họa sử dụng rô-bốt chỉ là một hình thức hội họa mới. Rô-bốt là công cụ để thể hiện sự sáng tạo, cũng như cách mà máy ảnh đã làm.

Phân tích câu

An unusual art contest took place / in the United States in 2018. / ① The artists taking part were
 Một cuộc thi nghệ thuật khác thường đã diễn ra / ở Mỹ vào năm 2018 / Các họa sĩ tham gia là rô-bốt /
 robots. / Nineteen international teams of humans and their robots participated / and made over 100
 19 đội quốc tế gồm con người và rô-bốt của họ đã tham gia / và tạo ra hơn 100

paintings. / The competition's rules were simple. / All the paintings had to be made / with real brushes
bức tranh / Luật thi rất đơn giản / Tất cả các bức tranh phải được vẽ / bằng cọ vẽ và màu thật /

and paint. / The robot did the actual painting. / but it was the human / who came up with the
Rô-bốt đã vẽ tranh thật / nhưng chính con người / đã nghĩ ra ý tưởng /

idea / and directed the robot. /
và chỉ đạo rô-bốt /

② Some robots painted creative landscapes. / Others copied great artworks / from the past. / For
Một số rô-bốt vẽ tranh phong cảnh sáng tạo / Những rô-bốt khác sao chép tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời / trong quá khứ /

example. / the robot that took first place / copied ③ a painting / by the famous French artist
Ví dụ / rô-bốt đạt giải nhất / đã sao chép một bức tranh / của họa sĩ nổi tiếng người Pháp Cézanne /

Cézanne. / Amazingly. / the robot identified and reproduced the painting's pattern / on its own. /
Ngạc nhiên thay / con rô-bốt đã xác định và tái hiện hình mẫu của bức tranh / tự nó /

Some artists object to using robots for art / on the grounds that / it cannot reflect human creativity. /
Một số họa sĩ phản đối việc sử dụng rô-bốt trong nghệ thuật / với lý do rằng / nó không thể phản ánh sự sáng tạo của con người /

However. / artists who use robots disagree. / Their reasoning is simple: / robot art is just a new genre of
Tuy nhiên / các họa sĩ sử dụng rô-bốt không đồng ý / Lập luận của họ rất đơn giản / hội họa rô-bốt chỉ là một thể loại nghệ thuật mới /

art. / Robots are tools for creative expression / in the same way that ④ cameras are. /
Rô-bốt là công cụ để thể hiện sự sáng tạo / giống cách thức mà máy ảnh làm /

(who were)
① The artists taking part were robots.: Cụm "đại từ quan hệ + động từ be" đứng giữa The artists và taking đã được lược bỏ

② Some ~, Others ~: Một số... số khác thì...

③ Tác phẩm (tên) + by + tên người: ~ (sáng tác, tạo ra) bởi ai
eg. I'd like to sing a song by Micheal Jackson. Tôi muốn hát một bài của Michael Jackson.

④ Robots are tools for creative expression in the same way that cameras are.
cụm tools for creative expression đã được lược bỏ

02 Khí hydro – nguồn năng lượng tương lai

p. 18-19

Đáp án

1 ⑤ 2 ③ 3 water vapor 4 While reading

Giải thích

1. Bài đọc nói về ưu nhược điểm của khí hydro với vai trò là nguồn năng lượng thay thế trong tương lai, vậy ⑤ là tiêu đề phù hợp nhất.

① Những vấn đề của năng lượng hydro

② Quá trình sản xuất khí hydro

③ Mọi điều bạn cần biết về khí hydro

④ Vai trò của hydro trong hệ thống năng lượng thế giới

⑤ Khí hydro: Nguồn năng lượng hoàn hảo cho tương lai

2. Theo thông tin ở dòng 10-11, chi phí để sản xuất hydro khá cao. Do đó, ưu điểm ③ cần được đổi thành **high cost of production** và chuyển sang cột nhược điểm.

Đáp án

- 1 ② 2 ④ 3 ④ 4 ① 5 ② 6 say anything while eating
7 It was James who 8 tried reading

Giải thích

1. **alternative:** sự lựa chọn, phương án thay thế

Chúng ta không có sự lựa chọn nào khác ngoài ăn pizza.

- ① công cụ ② sự lựa chọn ③ lời khuyên ④ thông tin

2. **landscape:** phong cảnh

- ① ngọn đồi ② con sông ③ cây

3. **take first place:** đạt giải nhất

4. **direct:** chỉ đạo, điều khiển

cho ai đó biết họ nên làm gì

- ② xác định, nhận dạng ③ tái chế ④ tái sản xuất

5. **noun:** danh từ

từ chỉ người, nơi chốn hoặc sự vật

- ① động từ ③ trạng từ ④ tính từ

6. Cấu trúc "liên từ + phân từ" nhấn mạnh ý nghĩa của liên từ.

7. **It is** + thông tin cần nhấn mạnh + **that/who**: Chính... là việc/người đã...

8. **try + V-ing:** thử làm gì